

PHÂN TÍCH HỘI THOẠI TRONG VĂN HỌC TỪ GÓC ĐỘ NGÔN NGỮ HỌC

Nguyễn Hòa Mai Phương

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

TÓM TẮT

Hành động ngôn từ, nguyên tắc cộng tác, thể diện và lịch sự là các khái niệm cơ bản trong ngữ dụng học. Chúng đóng vai trò quan trọng trong việc tường giải hành vi ngôn ngữ trong giao tiếp xã hội cũng như trong văn học. Trong bài viết này, chúng tôi khảo sát hiệu quả của việc vận dụng các khái niệm này vào phân tích hội thoại trong văn học và đề xuất cách tiếp cận văn học từ góc độ ngôn ngữ học hỗ trợ cho việc dạy và học văn.

Từ khóa: hành động ngôn từ, nguyên tắc cộng tác, thể diện và lịch sự

*

1. Giới thiệu

Hội thoại trong văn học là một đề tài được các nhà ngôn ngữ học tìm hiểu một cách có hệ thống từ những năm 1970. Có thể thấy điều này trong các công trình của Donal C. Freeman (1970, 1981), Roger Fowler (1975, 1977, 1986), Geoffrey N. Leech (1969, 1985), Michael H. Short (1973, 1988), Michael H. Toolan (1985, 1988, 1990). Vận dụng các thành tựu của các công trình đi trước, trong bài viết này chúng tôi tập trung phân tích hội thoại văn học theo ba góc độ: hành động ngôn từ, nguyên tắc cộng tác, thể diện và lịch sự.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Lý thuyết hành động ngôn từ

Năm 1955 Austin nhận thấy các nhà logic học và ngôn ngữ học chỉ quan tâm đến các phát ngôn trần thuật (hay miêu tả) được đánh giá theo tiêu chí đúng sai, mà chưa nghiên cứu đến các phát ngôn ngữ vi

(performatives) vốn không nhằm để miêu tả hiện thực mà để thực hiện một điều gì đó chẳng hạn như chào hỏi, thỉnh cầu, từ chối, khuyên nhủ... Trong *How to do things with words*, Austin cho rằng một phát ngôn đúng hay sai không phải tùy vào nghĩa của từ, mà tùy vào việc bạn thực hiện hành động nào trong hoàn cảnh nào. Austin đề xuất xem các phát ngôn đó như là những hành động ngôn từ và phân chúng thành ba loại: hành động tạo lời (locutionary act), tức là phát ngôn như nó đã được tạo ra; hành động ở lời (illocutionary act), tức là những hành động người nói thực hiện ngay khi nói năng; và hành động mượn lời (perlocutionary act), tức là mượn các phát ngôn để gây một hiệu quả ngoài ngôn ngữ nào đó. Hành động ở lời (illocutionary act) đóng vai trò trung tâm trong lý thuyết hành động ngôn từ, vì khi nắm được quy tắc chi phối, điều khiển các hành động ở lời, người sử dụng ngôn ngữ biết sử dụng chúng sao

cho phù hợp với ngữ cảnh, đối ngôn, đúng chỗ, đúng lúc [2: 88-89).

Trong khi Austin chú trọng phân loại động từ ngữ vi (performative verbs), Searle (1969, 1979) quan tâm đến việc phân loại hành động ngôn từ theo dạng trực tiếp hay gián tiếp. Điều này cho phép ta nghiên cứu chi tiết hơn những hành động ngôn từ gián tiếp qua đó người nói có thể nói điều này nhưng hàm ý điều khác. Một ví dụ thường hay được dẫn chứng: “Ở đây lạnh.” Đó không hẳn là lời khẳng định mà còn là lời thỉnh cầu [muốn người nghe đóng cửa sổ lại].

Hillis (2005) xem lí thuyết hành động ngôn từ là công cụ phân tích các tác phẩm văn học do một phát ngôn của nhân vật hay người thuật chuyện có thể bao chứa hai khả năng: miêu tả và ngữ vi. Mặt khác, khi ta xem xét những qui tắc, chuẩn mực chi phối lời nói và đối thoại trong đời thực, thì có thể tìm ra những qui tắc tương đồng chi phối hội thoại trong văn học.

2.2. Nguyên tắc cộng tác

Trong hội thoại, ta có thể hiểu được ý định của đối ngôn dù họ không nói tường minh. Giải thích cho điều này, Grice (1975) nêu lên nguyên tắc cộng tác qua đó các đối ngôn có thể diễn giải những điều hàm ý. Nguyên tắc này được Levinson [4: 101-102] trình bày lại gồm bốn phương châm:

- Về chất (Maxim of Quality): Đừng nói những gì bạn tin là sai; Đừng nói những gì mà bạn thiếu chứng cứ.

- Về lượng (Maxim of Quantity): Hãy đóng góp vào cuộc thoại lượng thông tin cần thiết phục vụ cho mục đích cuộc thoại; Đừng đóng góp vào cuộc thoại lượng thông tin nhiều hơn mức cần thiết.

- Quan hệ (Maxim of Relation): Hãy quan yếu (Nói về những gì có liên quan).

- Cách thức (Maxim of Manner): Hãy rõ ràng, cụ thể là tránh tình trạng tối nghĩa, mơ hồ, dài dòng không cần thiết (tức là hãy ngắn gọn), hãy theo trình tự.

Các phương châm này quy định cụ thể những gì người tham gia hội thoại cần phải thực hiện để đảm bảo cho cuộc giao tiếp đạt hiệu quả tối ưu.

2.3. Thể diện và lịch sự

Nguyên tắc cộng tác của Grice chỉ đáp ứng được mục tiêu đảm bảo hiệu quả tối ưu cho sự trao đổi thông tin. Tuy nhiên, trong giao tiếp hay hội thoại, ngoài quan hệ trao đổi thông tin còn có quan hệ liên nhân, “chắc chắn còn những qui tắc khác (thăm mĩ, xã hội hay đạo đức) kiểu như qui tắc ‘hãy lịch sự’ mà người tham gia hội thoại đều tuân thủ và chúng có thể làm xuất hiện những hàm ngôn phi qui ước”[2: 255].

Từ thập niên 1970 trở đi đã có nhiều công trình nghiên cứu về lịch sự (Lakoff, Leech, Brown và Levinson...), xem lịch sự là qui tắc hay chiến lược nhằm duy trì hoặc cải thiện mối quan hệ liên nhân. Điều đáng chú ý là các qui tắc lịch sự đề ra chỉ phát huy tác dụng trên cơ sở tôn trọng thể diện của những người tham gia giao tiếp do trong hội thoại, người nói một mặt phải tự làm nổi mình lên, một mặt phải tôn trọng thể diện của đối ngôn.[2: 280-281]. Như vậy, thể diện là khái niệm quan trọng giúp tường giải các hành vi ngôn ngữ và là yếu tố chính chi phối phép lịch sự.

Khái niệm “thể diện” và “lịch sự” có hiệu lực giải thích các phát ngôn, cách thức nói năng và hàm ngôn, và thực sự đã trở thành công cụ hữu ích phục vụ cho nghiên

cứu trong nhiều lĩnh vực của ngành ngôn ngữ học.

Chúng tôi không đi theo hướng của Brown và Levinson nhằm phân biệt thể diện dương và thể diện âm (positive/negative face), lịch sự dương/lịch sự âm (positive/negative politeness) vì bản thân thuật ngữ positive/negative sẽ gây hiểu lầm với khái niệm tốt/xấu, hay dẫn đến việc xem đó là hai thực thể tách biệt, chứ không phải là hai mặt của một vấn đề có mối tương quan với nhau. Quan trọng hơn là vì khái niệm “thể diện” và “lịch sự” không phải là những khái niệm tĩnh tại, mà chúng được xây dựng nên trong quá trình tương tác, phụ thuộc vào ngôn cảnh cụ thể.

2.4. Bảng câu hỏi đề xuất

Để thuận tiện cho việc phân tích, chúng tôi đề xuất một bảng câu hỏi liên quan đến ba khái niệm trên. Bảng câu hỏi này không chứa các câu hỏi dành cho các yếu tố kèm lời và phi lời, mà chỉ tập trung vào lời thoại.

A. Hành động ngôn từ:

1. Nhân vật sử dụng hành động ngôn từ nào? Trực tiếp hay gián tiếp? Có hành động ngôn từ nào mơ hồ không? Điều đó nói gì về tính cách nhân vật, mối quan hệ giữa các nhân vật, thế giới xung quanh họ, và chủ đề tư tưởng tác phẩm?

2. Về hiệu lực, các hành động ngôn từ có đạt được mục tiêu như dự tính hay không?

B. Nguyên tắc cộng tác:

3. Nhân vật nào tuân thủ các phương châm cộng tác (lượng, chất, quan yếu, cách thức)? Nhân vật nào không tuân thủ hay vi phạm các phương châm cộng tác? Sự tuân

thủ hay vi phạm đó nói gì về tính cách, mối quan hệ của nhân vật, và chủ đề tác phẩm?

C. Thể diện và lịch sự:

4. Có sự khác biệt nào về cách xưng hô, hay những hình thức đánh dấu khác về quyền lực hay quan hệ liên nhân?

5. Nhân vật có lịch sự với nhau không? Có hình thức giảm nhẹ hành động đe dọa thể diện hay không? Có trường hợp bất lịch sự nào không? Để làm gì? Số lượng các trường hợp lịch sự / bất lịch sự là bao nhiêu?

6. Có sự thay đổi nào trong cách nói của nhân vật từ lịch sự chuyển sang bất lịch sự hay ngược lại? Sự thay đổi đó thể hiện điều gì trong tính cách nhân vật và mối quan hệ giữa các nhân vật?

7. Có mô hình nào về chiến lược lịch sự đáng chú ý hay không? Mô hình đó ảnh hưởng đến kết cấu cốt truyện hay đến việc triển khai chủ đề tư tưởng của tác phẩm hay không?

3. Nội dung minh họa

Đoạn đối thoại dưới đây giữa người thuật chuyện và nhân vật chính tên Kelada trong tác phẩm của Somerset Maugham có nhan đề *Mr. Know-All* là một ví dụ minh họa cho việc vận dụng bảng hỏi trên để phân tích nội dung hội thoại trong văn học. Hai nhân vật, người thuật chuyện và ông Kelada, cùng đi chung chuyến tàu vượt đại dương từ San Francisco đến Yokohama. Họ vốn không quen biết nhau, nhưng hãng tàu bố trí họ ở cùng phòng do hành khách quá đông. Nội dung cuộc thoại chỉ là sự chào hỏi sơ giao, nhưng qua cuộc thoại đơn giản này ta có thể thấy được hiệu quả của các công cụ trong ngôn ngữ học dùng để hỗ trợ cho việc phân tích văn học.

Chúng tôi tạm lược bỏ phần thuật chuyện và lời dẫn thoại để tập trung vào nội dung lời thoại. Các từ viết tắt: K thay cho Kelada, và N: thay cho Narrator (người thuật chuyện).

K: *"I am Mr Kelada."*

N: *"Oh, yes, we're sharing a cabin, I think."*

K: *"Bit of luck, I call it. You never know who you're going to be put in with. I was jolly glad when I heard you were English. I'm all for us English sticking together when we're abroad, if you understand what I mean."*

N: *"Are you English?"*

K: *"Rather. You don't think I look like an American, do you? British to the backbone, that's what I am." [...]*

K: *"What will you have?" "Whisky and soda or a dry martini, you have only to say the word."*

N: *"A very good cocktail."*

K: *"Well, there are plenty more where that came from, and if you've got any friends on board, you tell them you've got a pal who's got all the liquor in the world."*

Sử dụng bảng câu hỏi đề xuất ở trên để phân tích ta có kết quả sau:

3.1. Hành động ngôn từ

Cả hai nhân vật đều sử dụng hành động ngôn từ gián tiếp. Tất cả các hành động ngôn từ của người thuật chuyện đều hàm ý khác điều đang nói. Đáp lại lời tự giới thiệu của Kelada, người thuật chuyện chỉ xác nhận: *"Ừ vâng, tôi đoán là chúng ta ở cùng phòng"*. Sự xác nhận này không đáp lại mong đợi của đối ngôn vì không có lời tự giới thiệu đáp lại. Qua hành động ngôn từ này, người thuật chuyện gián tiếp cho thấy thái độ thờ ơ, lạnh nhạt của mình; một hành động bước đầu tự cô lập mình trong một thế giới cần mở rộng. Đây là một dấu hiệu gợi mở cho ta về chủ đề tư tưởng tác phẩm.

Đối lập với thái độ tự cô lập đó là thái độ chào hỏi thân thiện của Kelada. Với cách tự giới thiệu tên: *"Tôi là ông Kelada"*, nhân vật cho thấy có ý thức về rào cản văn hóa. Hành động ngôn từ này trên bề mặt mang hình thức trực tiếp vì đó là sự khẳng định danh tính, nhưng thực ra nó lại mang tính chất của một hành động gián tiếp. Thông thường, khi tự giới thiệu, ta dùng công thức: "Tôi là + tên (+ họ) (theo cách nói của người Anh). Ví dụ: "I am Tom" hoặc "I am Tom Jones." Hiếm ai nói: "I am Mr. Jones". Cách xưng hô này là dành cho người đối ngôn. Ví dụ khi một người lạ đến hỏi ta: "Mr. Jones?", lập tức ta sẽ đáp: "Yes. I am (Jones). Vậy cách nói của nhân vật là một cách nói đặc biệt. Về phía nhân vật, nói như vậy có thể là nhằm tạo sự chú ý về cái họ nghe không có vẻ người Anh. Hoặc cũng có thể là vì Kelada muốn tạo cảm giác thân thiện nên mới khôi hài theo kiểu Anglê như thế. Nhưng quan trọng hơn, qua cách nói đó, Kelada cho thấy anh là một người đã trải nghiệm nhiều trong giao tiếp liên văn hóa. Anh biết rằng người ta sẽ thấy lạ khi biết anh mang quốc tịch Anh nhưng tên thì nghe không có vẻ người Anh. Đây là một thói quen mang tính rập khuôn (stereotype): nếu là người Anh thì diện mạo, tóc tai, cử chỉ, giọng nói, ứng xử, tập quán, thói quen và ngay cả họ tên cũng phải mang chất Anglê! Hiểu được điều đó cho nên Kelada dùng một loạt các hình thức gián tiếp "trấn an": "Vậy là hên đấy. Ta không tài nào biết trước sẽ được cho ở cùng phòng với ai. Tôi mừng hết sức khi biết anh là người Anh. Tôi ủng hộ chuyện người Anh chúng ta đoàn kết với nhau khi ra nước ngoài, nếu anh hiểu ý tôi muốn nói gì." Một loạt những từ ngữ và cách diễn đạt

tạo cảm giác thuộc về một cộng đồng, và hàm ý khẳng định rằng “Tôi cũng là người Anh”.

Thế nhưng hành động ngôn từ thứ hai của người thuật chuyện không phải là câu đáp biểu lộ sự thông hiểu, mà là một câu hỏi: “*Anh có phải là người Anh không?*” Hành động ngôn từ này hội đủ điều kiện hữu quan: cả hai đều không quen biết nhau, và vì tôi không biết anh là người nước nào nên tôi có thể hỏi như thế. Nhưng mục tiêu dự tính không phải là để tìm hiểu về quốc tịch. Tôi hỏi không phải là để tìm kiếm thông tin, mà là để biểu hiện sự nghi ngờ về những gì anh khẳng định.

3.2. Nguyên tắc cộng tác

Trong giao tiếp đời thường, để dễ dàng thông hiểu, người ta cần tuân theo những phương châm cộng tác mà Grice đề ra. Nhưng trong văn học, sự xung đột hay mâu thuẫn luôn là yếu tố tạo sức hấp dẫn, kịch tính cho tác phẩm. Coles (2009) khẳng định trong đời sống thực tế khi đối thoại người ta tránh mâu thuẫn, nhưng trong văn học, mâu thuẫn là cần thiết để lôi cuốn độc giả.

Vậy có nên lúc nào cũng tuân thủ nguyên tắc cộng tác hay không? Câu trả lời là không vì vi phạm các nguyên tắc cộng tác trong hội thoại văn học là một trong những cách thức tạo ra nhiều hàm ngôn. Nếu một người tự giới thiệu: “I am Max Kelada” và một người khác đáp: “I am Somerset Maugham”, thì đúng là đầy đủ thông tin, không nhiều hơn hay ít hơn, xác thực, đúng chỗ, ngắn gọn, rõ ràng, đúng trình tự theo phép xã giao. Nhưng liệu cặp thoại này có giúp gì cho việc gọi sự chú ý, lôi cuốn độc giả hay không khi chúng không chứa đựng yếu tố nào bất ngờ, hay

căng thẳng, hay hồi hộp, hay kịch tính gì cả? Trong khi đó, với việc người thuật chuyện vi phạm phương châm về chất (nói một điều mà cả hai đều biết đến), và phương châm quan yếu (nói một điều không liên quan đến việc tự giới thiệu), tác giả đã tạo ra một sự đối kháng bước đầu giữa hai nhân vật. Đó là sự không thiện cảm dẫn đến việc đánh giá con người qua lăng kính chủ quan, thành kiến, theo khuôn mẫu văn hóa đặt định; một ý tưởng mà về sau sẽ được triển khai qua sự tương tác giữa hai nhân vật.

3.3. Thể diện và lịch sự

Xét về nghi thức ngôn giao, người thuật chuyện không thể hiện một sự lịch sự đúng mực. Như đã phân tích ở trên điều này là có chủ ý. Do đó, ta không thấy có hình thức nào giảm nhẹ hành động đe dọa thể diện của Kelada. Phát ngôn đầu tiên của người thuật chuyện không lịch sự ở chỗ người nói cố tình phớt lờ, không tự giới thiệu đáp lễ theo phép xã giao thông thường. Phát ngôn thứ hai dưới hình thức câu hỏi (“Are you English?”). Xét về hành vi giao tiếp, phát ngôn này không lịch sự vì người hỏi cố tình tỏ ra không hiểu ngụ ý của Kelada, và như trên đã phân tích, hỏi như vậy không nhằm mục đích tìm kiếm thông tin mà là để thể hiện nghi ngờ về tính chân thực của lời nói của Kelada. Bản thân lời phát ngôn tự nó chưa đủ để tạo nên yếu tố lịch sự hay không lịch sự, chỉ khi nó đi vào trong đối thoại, được sử dụng nhằm mục đích giao tiếp trong một ngôn cảnh cụ thể nào đó mới mang theo sắc thái lịch sự /không lịch sự, và sự lịch sự / không lịch sự đó mới được thể hiện theo nhiều thang độ khác nhau.

Đến phát ngôn thứ ba thì tình hình lại khác: đó là một lời khen. Sau khi dùng li

rượu Martini do Kelada mời, người thuật chuyện khen: “Rượu pha rất ngon đấy.” Khi khen ai đó, có nghĩa là ta làm tôn thể diện hay hình ảnh về bản thân họ. Như vậy, lời khen cũng là biểu hiện của phép lịch sự. Song nếu không thành thật, hoặc quá lời, hoặc không đúng lúc, đúng chỗ thì lời khen đó sẽ gây bối rối cho người được khen hoặc thậm chí trở thành lời nói đùa cợt, mỉa mai. Vậy lời khen đó có lịch sự hay không còn phải tính đến cảm nhận của người được khen và ngôn cảnh cụ thể.

Đối với Kelada, đây chỉ là lời khen xã giao, nhưng cũng đủ để khai thông cuộc thoại đang bế tắc. Kelada được dịp ba hoa: “À, còn nhiều loại rượu chính gốc nữa đấy, và nếu anh có bạn bè nào trên tàu, anh cứ bảo họ là có người bạn có đủ các loại rượu trên trần đời này.” (“Well, there are plenty more where that came from, and if you’ve got any friends on board, you tell them you’ve got a pal who’s got all the liquor in the world”).

Khi xét trong ngôn cảnh cần đánh giá lại xem lời khen của người thuật chuyện là hành động đe dọa thể diện hay làm tôn thể diện. Qua lời trần thuật, ta biết được luật cấm uống rượu trên tàu đã được thực thi nên dù có muốn uống cũng không làm sao tìm thấy nơi nào trên tàu có bán rượu. Vậy làm sao Kelada lại có thể mời uống rượu? Mà còn có thể cho đối ngôn chọn lựa: “Anh dùng gì? Whisky pha soda hay Martini séc, anh chỉ cần nói một tiếng thôi.” (“What will you have?” “Whisky and soda or a dry

martini, you have only to say the word.”) Từ góc độ người đọc, ta cảm nhận thấy lời khen này hơi quá, không thành thật, và như vậy nó mang tính cách bốn cọt đối với giá trị của món quà được mời. Nhưng qua phản ứng của Kelada khi nhân vật này hào hứng đáp lại lời khen, thì ta có thể xem hành động ngôn từ của người thuật chuyện không làm phương hại đến thể diện của Kelada. Nó chỉ tạo một cảm giác là người khen có vẻ kể cả, bề trên. Nói cách khác, hành động khen và tiếp nhận lời khen của các nhân vật phản ánh những thang giá trị khác nhau trong đời sống giao tiếp và trong mối quan hệ liên nhân.

4. Kết luận

Sử dụng bảng câu hỏi đề xuất ở trên cho phân tích hội thoại văn học, ta có thể đạt được các kết quả sau:

- Xác định mục tiêu giao tiếp của các nhân vật thông qua hành động ngôn từ của họ, từ đó tìm ra được những tín hiệu cho chủ đề tư tưởng tác phẩm;

- Xác định nghĩa hàm ẩn trong các phát ngôn thông qua việc phân tích các trường hợp tuân thủ hay vi phạm nguyên tắc cộng tác, từ đó nhìn thấy mối xung đột giữa các nhân vật;

- Đi sâu tìm hiểu mối quan hệ liên nhân thông qua khái niệm thể diện và lịch sự để xác định các giá trị xã hội, văn hóa và các thông điệp mà tác giả gửi gắm trong nội dung lời thoại.

*

ANALYZING FICTIONAL DIALOGUE FROM THE LINGUISTIC APPROACH

Nguyen Hoa Mai Phuong

University of Social Sciences and Humanities

Vietnam National University-HCM City

ABSTRACT

Speech act, cooperative principle, face and courtesy are the key concepts in pragmatics. They play an important role in interpreting our language and behavior in social interaction as well as in literature. In this paper, we examine the effectiveness of using these concepts in analyzing fictional dialogue, and suggest a linguistic approach to literature in order to assist teachers in teaching the subject and students in learning it.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Austin, J.L. (1962), *How to do thing with words*, Oxford: Clarendon.
- [2] Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học*, tập hai: *Ngữ dụng học*, NXB Giáo dục.
- [3] Hillis, M. (2005), *Literature as conduct: speech acts in henry james*, Fordham University Press.
- [4] Levinson, S.C. (1983), *Pragmatics*, Cambridge: CUP.
- [5] Coles, W. H., *Creating effective dialogue*, truy cập ngày 4 tháng 9 năm 2012, <<http://fictioneditorsopinions.com/2009/08/creating-effective-dialog/>>